TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/DS-ST
Ngày: 17/12/2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Khanh

2. Ông Nguyễn Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn: Ông Bùi Thành Hiếu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chung C, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: phường B, quận T1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Thanh V, sinh năm 1957, Địa chỉ: khu E, thị trấn T2, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long. Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/9/2019) (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn Hồng Đ, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H1, xã X, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người làm chứng: Chị Trần Bích T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H1, xã X, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 22/9/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Chung C trình bày: Ngày 04/7/2018 anh Đ hỏi vay của chị số tiền 100.000đ, lãi thỏa thuận 1.000.000đ/ tháng, anh Đ có viết biên nhận cho chị nhưng anh Đ không có tài sản thế chấp quyền sử dụng đất nên chị chỉ giao cho anh Đ số tiền 50.000.000đ, mục đích vay để bổ sung vốn nuôi chim cút. Đến ngày 16/7/2018 anh Đ hỏi mượn của chị số tiền 10.000.000đ để làm giấy tờ đất, ngày 08/8/2018 anh Đào hỏi mượn thêm 3.000.000đ, hai lần mượn tiền anh Đ ở huyện P, tỉnh Kiên Giang nên chị chuyển khoản cho anh Đ, anh Đ nhận tiền tại Ngân hàng A, chi nhánh P. Đến ngày 17/8/2018, anh Đ hỏi vay thêm 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1.000.000đ/ tháng để trả nợ cho mẹ. Anh Đ thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thị D (bản chính). Anh Đ viết Giấy mượn tiền- thế chấp ghi tên Nguyễn Thị D nhưng anh Đ ký tên và nhận tiền. Khi hỏi vay tiền anh Đ thỏa thuận sẽ trả lãi vào ngày 15 hàng tháng nhưng anh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đến tháng 2/2019 chị khởi kiện yêu cầu anh Đ trả lại số tiền vay, sau đó chị đã rút đơn khởi kiện. Đến nay anh Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên chị khởi kiện yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ trả lại số tiền vốn 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 19/10/2019 bị đơn anh Huỳnh Văn Hồng Đ trình bày: Ngày 04/7/2018 anh có hỏi mượn của chị Chung C số tiền 100.000.000đ và có viết giấy mượn tiền thế chấp nhưng chị C chỉ đưa anh 50.000.000đ như chị C trình bày. Giấy mượn tiền ngày 17/8/2018 số tiền mượn là 50.000.000đ, người mượn tiền và thế chấp quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thị D, không phải là Huỳnh Văn Hồng Đ. Ngoài ra anh không có nợ chị Chung C số tiền nào khác.

Tại văn bản ngày 20/10/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày: Anh Huỳnh Văn Hồng Đ là con rể của bà. Khi anh Đ vay tiền của chị Chung C như thế nào bà không biết nhưng anh Đ có giao 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên để thế chấp cho chị C. Bà đã khởi kiện yêu cầu chị C trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết. Tại bản án số 159/2019/DSPT ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long buộc chị Chung C có nghĩa vụ trả lại cho bà 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL786982, số vào sổ cấp GCNCS 03857 và số BI473488 số vào sổ cấp GCN: CH 03143. Bà không đồng ý là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/10/2019 người làm chứng chị Trần Bích T trình bày: Chị là vợ của anh Huỳnh Văn Hồng Đ, là con ruột bà Nguyễn Thị D. Chị có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có giao lại cho anh Đ. Anh Đ có viết bản tự khai nhờ chị giao nộp cho Tòa án. Chữ viết và chữ ký trong Giấy mượn tiền

thế chấp ngày 17/8/2018 là của anh Đ nhưng do anh Đ tức chị C đã nhận số tiền 100.000.000đ của em trai chị trả cho chị C theo biên nhận ngày 05/02/2016. Do tin tưởng chị C nên không lấy lại biên nhận, chị C mang biên nhận tiếp tục khởi kiện Đạt nên bản tự khai anh Đ trình bày biên nhận ngày 17/8/2018 là tên của bà D. Anh Đ cũng đồng ý trả cho chị C số tiền này.

Tại Bản án số 159/2019/DSPT ngày 19/9/2019 của Toa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định: Vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chị Chung C và anh Huỳnh Văn Hồng Đ; Buộc chị Chung C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 786982, số vào sổ cấp GCN CS03857, tại thửa 36, tờ bản đồ 36, diện tích 494,6m ^{2} do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp cho bà Nguyễn Thị D đứng tên quyền sử dụng đất ngày 27/7/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 473488, số vào sổ cấp GCN Ch 03143, tại thửa 18, tờ bản đồ 36 diện tích 797,1m^2 do Ủy ban nhân dân huyện T2 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị D đứng tên quyền sử dụng đất vào ngày 04/4/2012. Hai thửa đất trên cùng tọa lạc ấp H1, xã X, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra tại phần quyết định của Bản án còn tuyên về điều luật áp dụng, về án phí và quyền yêu cầu thi hành án.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh Huỳnh Văn Hồng Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D có văn bản trình bày ý kiến nhưng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành về quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn cơ bản chấp hành đúng quy định tại Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463,466 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chung C. Buộc bị đơn anh Huỳnh Văn Hồng Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng) và đề nghị anh Đ có nghĩa vụ nộp số tiền 5.650.000đ (Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đương sự trong vụ án: Tại đơn khởi kiện ngày 22/9/2019, nguyên đơn chị Chung C trình bày người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ông Huỳnh Văn T3, sinh năm 1927 nhưng nội dung trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện ông Huỳnh Văn T3 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn T3 nên không triệu tập ông Huỳnh Văn T3 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Huỳnh Văn Hồng Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, bà D là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điền 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Ngày 04/7/2018 anh Đ có viết Giấy mượn tiền – thế chấp vay số tiền 100.000.000đ lãi 1.000.000đ/ tháng, thỏa thuận 3 tháng trả lãi 01 lần vào ngày 15 hàng tháng. Trong Giấy mượn tiền - thế chấp anh Đ ghi có thế chấp cho chị Chung C một Giấy chứng nhận đất mang tên Huỳnh Văn Hồng Đ nhưng anh Đ không có giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị Chung C chỉ giao cho anh Đ số tiền 50.000.000đ. Anh Đ và chị C đều thống nhất thời gian ngày 04/7/2018 có hợp đồng vay số tiền 50.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn chị Chung C và bị đơn anh Huỳnh Văn Hồng Đ có xác lập hợp đồng vay theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3.2] Xét lời trình bày của anh Huỳnh Văn Hồng Đ tại bản tự khai ngày 19/10/2019. Anh Đ trình bày Giấy mượn tiền ngày 17/8/2018 số tiền mượn là 50.000.000đ, người mượn tiền và thế chấp quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thị D, không phải là Huỳnh Văn Hồng Đ và anh không có thiếu số tiền nào khác là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, Giấy mượn tiền thế chấp ngày 17/8/2018 ghi tên là Nguyễn Thị D nhưng ký tên người nhận là Huỳnh Văn Hồng Đ. Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/10/2019 chị Trần Bích T là vợ của anh Đ cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký trong Giấy mượn tiền thế chấp ngày 17/8/2018 là của anh Đ. Mặc khác, tại Bản án số 159/2019/DSPT ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có ghi nhận lời trình bày của anh Đ tại phiên tòa phúc thẩm: "Anh có vay của chị C số tiền 113.000.000đ nhưng hiện tại anh gặp hoàn cảnh khó khăn anh cam kết sẽ trả nợ cho chị C". Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, chị Chung C khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Văn Hồng Đ có nghĩa vụ trả số tiền vốn 113.000.000đ

(một trăm mười ba triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[3.3] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện ngày 22/9/2019 và tại phiên Tòa chị Chung C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Đối với bà Nguyễn Thị D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do anh Huỳnh Văn Hồng Đ lấy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D thế chấp cho chị Chung C để vay số tiền trên. Việc thế chấp giữa anh Đ và chị C được giải quyết bằng Bản án số 159/2019/DSPT ngày 19/9/2019 có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn Huỳnh Văn Hồng Đ có nghĩa vụ chịu toàn bộ phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Buộc anh Huỳnh Văn Hồng Đ có nghĩa vụ nộp số tiền 5.650.000đ (Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 68; điểm b, khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tống tụng dân sự**;**

Các điều 463, 466, 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chung C.

1.1. Buộc bị đơn anh Huỳnh Văn Hồng Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Chung C số tiền 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu anh Huỳnh Văn Hồng Đ chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bị đơn anh Huỳnh Văn Hồng Đ có nghĩa vụ nộp số tiền 5.650.000đ (Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho nguyên đơn chị Chung C số tiền 2.825.000đ (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0015669 ngày 27/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga